

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC (Theo học chế tín chỉ)

Tên chương trình:	Giáo dục Mầm non
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Ngành đào tạo:	Giáo dục Mầm non
Loại hình đào tạo:	Chính quy

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHĐ, ngày /6/2009
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cơ bản để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc ngành Giáo dục mầm non, đáp ứng được yêu cầu đổi mới của GDMN trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các GVMN được đào tạo phải có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ năng lực và sức khỏe để đảm bảo thực hiện tốt chương trình GDMN, có khả năng đáp ứng được sự phát triển của GDMN, có kỹ năng tự bồi dưỡng, tâm huyết với nghề, yêu nghề, mến trẻ tôn trọng và có tinh thần trách nhiệm cao với trẻ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Về kiến thức

- Hiểu biết đầy đủ về mục tiêu, nội dung chương trình GDMN, phương pháp tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục và sự phát triển của trẻ em ở các cơ sở GDMN.

- Nắm vững kiến thức giáo dục đại cung để vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn GDMN.

- Nắm vững hệ thống kiến thức khoa học GDMN ở trình độ cao đẳng để thực hiện tốt công tác chuyên môn.

- Áp dụng có hiệu quả kiến thức khoa học GDMN vào việc tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục trẻ các đối tượng khác nhau bao gồm cả trẻ dân tộc thiểu số, trẻ có nhu cầu đặc biệt ở tất cả các nhóm tuổi, các loại hình trường, lớp mầm non.

1.2.2 Về kỹ năng:

- Lập kế hoạch định hướng phát triển và giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu của từng độ tuổi, từng cá nhân và điều kiện thực tế.

- Tổ chức, thực hiện kế hoạch giáo dục một cách khoa học : thiết kế các hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu, phương pháp giáo dục - dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ. Đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kế hoạch giáo dục; giao tiếp với trẻ; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển và học tập của trẻ. Quản lý nhóm, lớp; quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển của trẻ.

- Hợp tác và giao tiếp với đồng nghiệp, gia đình và cộng đồng trong hoạt động giáo dục. Phân tích và đánh giá hiệu quả công việc của đồng nghiệp và bản thân.

- Tuyên truyền khoa học giáo dục, vận động xã hội hóa GDMN; theo dõi, xử lý kịp thời các thông tin về ngành học.

1.2.3 Về thái độ

Sinh viên tin tưởng vào năng lực chuyên môn của bản thân, có thái độ tốt với trẻ và nghề GVMN. Có ý thức vận động sáng tạo các kiến thức và kỹ năng để đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ đắc giao, góp phần nâng cao chất lượng GDMN.

+ Yêu nước, trung thành với Tổ quốc. Là công dân tốt trong cộng đồng. Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Biết vận dụng sáng tạo đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ em.

+ Yêu nghề, say mê, tận tụy với công việc; Yêu trẻ, tôn trọng và có tinh thần trách nhiệm cao với trẻ.

+ Có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, nêu gương tốt cho trẻ. Có văn hóa giao tiếp. Đoàn kết, khiêm tốn học hỏi, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp trong chuyên môn. Quan hệ tốt với cha mẹ trẻ và cộng đồng, có ý thức vận động cộng đồng và cha mẹ trẻ tham gia xây dựng nhà trường, giáo dục trẻ, thực hiện xã hội hóa giáo dục.

+ Có ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thích ứng nhanh những điều biến đổi của xã hội và của ngành GDMN.

1.2.4 Về sức khỏe: Rèn luyện thể chất, tinh thần để có đủ sức khỏe hoàn thành nhiệm vụ học tập, đào tạo.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm (36 tháng)

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 112 tín chỉ (chỉ bao gồm nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm: Theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT.

7. Nội dung chương trình

TT	TÊN VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC	SỐ TC
7.1	Kiến thức Giáo dục đại c- ơng	33
7.1.1	Lý luận chính trị	10
7.1.2.	Ngoại ngữ	7
7.1.3.	Giáo dục Thể chất	45 tiết
7.1.4.	Giáo dục Quốc phòng	135 t
7.1.5.	Các môn TN, KHXH, Môi tr- ờng...	16
	<i>Bắt buộc</i>	11
	<i>Tự chọn</i>	5
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	79
7.2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	20
7.2.2.	Kiến thức ngành	48
	<i>Bắt buộc</i>	36
	<i>Tự chọn</i>	12
7.2.3	Thực tập nghề nghiệp + Khoa luận tốt nghiệp	11
7.2.3.1	Thực hành s- phạm (3 tuần) + thực tế (1 tuần)	2 (4 tuần)
7.2.3.2	Thực tập s- phạm	2 (4 tuần)
7.2.3.3	Thực tập tốt nghiệp	3 (8 tuần)
7.2.4	Khoa luận tốt nghiệp/HP thay thế	4
	Tổng cộng:	112

8. Kế hoạch dạy học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học kì	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thực tế	Tự học			
A	Kiến thức Giáo dục đại cương		33							
I	Lý luận chính trị		10							
1	2. NLM. D0.2	Những nguyên lý của CN Mác-Lê Nin 1	2	21	18		90	1		Bộ môn nguyên lý
2	2. NLM. DO.3	Những nguyên lý của CN Mác-Lê Nin 2	3	32	26		135	2		Bộ môn nguyên lý
3	2. HCM. D0.2	TT Hồ Chí Minh	2	21	18		90	2	3	T. T. ờng-PL
4	2. CMV. D0.3	Đ- ờng lối cách mạng của Đảng CSVN	3	32	26		135	3	4	Đ- ờng lối Cách mạng
II	Ngoại ngữ		7							
5	2. NNT1.D0.4	Tiếng Anh 1	4	36	48		180	2		Khoa Ngoại ngữ
6	2.NNT2. D0.3	Tiếng Anh 2	3	27	36		135	5	3	Khoa Ngoại ngữ
III		Giáo dục Thể chất	45t							Khoa GD thể chất
IV		Giáo dục Quốc phòng	(135 t)							Trung tâm GDQP
V	Các môn Tin học, KHXH, Môi trường...		16							
7	2. NPL.D0.2	Pháp luật đại c- ơng	2	15	30		90	3		T. T. ờng-PL
8	2. QKN. D1. 3	QLHCNN & QL GDMN	3	27	36		135	4		Bộ môn Tâm lý-Giáo dục
9	2.TDC. D1. 2	Tâm lý học đại c- ơng	2	18	24		90	1		Bộ môn Tâm lý-Giáo dục
10	2. GDC. D1. 2	Giáo dục học đại c- ơng	2	18	24		90	1		Bộ môn Tâm lý-Giáo dục
11	2. THU. DO. 2	Tin học	2	10		40	90	2		CNTT&TT
12	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>									
a	2. GTM. D0. 2	Giáo dục thẩm mỹ	2	15	30		90	1		Nguyên lý
b	2. ĐPH. D0. 2	Địa ph- ơng học	2	18	24		90	1		Bộ môn Lịch sử
c	2. MTN. D0. 2	Môi tr- ờng và con ng- ời	2	18	24		90	1		Bộ môn Địa lý
13	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>									
a	2.TVI. D0. 2	Tiếng việt	3	27	36		135	1		Bộ môn Văn - MTXQ
b	2. VHD. DO. 2	Văn học dân gian	3	27	36		135	1		Bộ môn Văn - MTXQ
c	2. TVT. D0. 2	Văn học trẻ em	3	27	36		135	1		Bộ môn Văn - MTXQ
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		79							
I	Kiến thức cơ sở ngành		20							
14	2. TLT. N1. 4	Tâm lý học Mầm non	4	36	48		180	9	2	Bộ môn Tâm lý-Giáo dục
15	2.GDT. N1. 4	Giáo dục học mầm non và giáo dục gia đình	4	36	48		180	10	2	Bộ môn Tâm lý-Giáo dục
16	2.MTH.N1. 4	Mỹ thuật	4	36	48		180	1		Mỹ thuật-Âm nhạc
17	2.ÂN.M.N1. 4	Âm nhạc	4	36	48		180	1		Mỹ thuật-Âm nhạc
18	2. NGM. N1. 3	Nghề giáo viên MN và đánh giá trong giáo dục mầm non	2	18		24	90	15	3	Bộ môn Toán - Sinh
19	2. GST. N1. 2	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non	2	18		24	90		2	Bộ môn Toán - Sinh
II	Kiến thức ngành		48							
20	2. HĐC. N1.3	Tổ chức hoạt động vui chơi	3	27		36	135	15	3	Bộ môn Tâm lý-Giáo dục
21	2.PTC.N1. 3	Ph- ơng pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	27		36	135	19	6	Bộ môn Văn - MTXQ
22	2.TCT.N1.4	Tổ chức hoạt động tạo hình	4	36	48		180	16	4	Mỹ thuật-Âm nhạc

23	2.TCÂ.N1.4	Tổ chức hoạt động âm nhạc	4	36	48		180	17	3	Mỹ thuật-Âm nhạc
24	2. PPT. N1. 3	Ph-ong pháp hình thành các biểu t-ượng toán cho trẻ MN	2	18		24	90		5	Bộ môn Toán - Sinh
25	2.PMX.N1.3	Ph-ong pháp cho trẻ khám phá khoa học về MTXQ	3	27		36	135	15	5	Bộ môn Văn - MTXQ
26	2. PTN. N1. 3	Ph-ong pháp phát triển ngôn ngữ	3	27		36	135	13	5	Bộ môn Văn - MTXQ
27	2. PPV. N1. 2	Ph-ong pháp làm quen với TP văn học	2	18		24	90	13	5	Bộ môn Văn - MTXQ
28	2. VST. N1. 2	Vệ sinh trẻ MN	2	18		24	90	19	6	Bộ môn Toán - Sinh
29	2.DDT. N1. 2	Dinh d-õng trẻ MN	2	18		24	90	19	5	Bộ môn Toán - Sinh
30	2. PBT. N1. 2	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN	2	18		24	90	19	4	Bộ môn Toán - Sinh
31	2.GDK.N1.2	Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tuổi mầm non	2	18		24	90	15	6	Bộ môn Văn - MTXQ
32	2. CTM. N0. 3	Ch-ong trình và tổ chức thực hiện ch-ong trình GDMN	3	27	36		135	15	4	Bộ môn Văn - MTXQ
33	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	2. XDA. N1. 3	Xếp dán	3	27		36	135	16	5	Mỹ thuật-Âm nhạc
b	2. MTH. N1. 3	Mỹ thuật (Kiến thức nâng cao)	3	27		36	135	16	5	Mỹ thuật-Âm nhạc
34	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	2. ĐOC. N0. 3	Đàn oóc-gan-Chỉ huy dàn dựng	3	27		36	135	17	4	Mỹ thuật-Âm nhạc
b	2. AMN. N0. 3	Âm nhạc (Kiến thức nâng cao)	3	27		36	135	17	4	Mỹ thuật-Âm nhạc
35	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	2. TCV. N0. 2	Tiếp cận trọn vẹn trong phát triển ngôn ngữ	2	18		24	90	26	6	Bộ môn Văn - MTXQ
b	2. ĐKD. N0. 2	Đọc kể diễn cảm	2	18		24	90	13	6	Bộ môn Văn - MTXQ
36	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	2. SKS. N0. 2	Sức khoẻ sinh sản	3	27		36	135		6	Bộ môn Toán - Sinh
b	2. GDD. N0. 2	GD dinh d-õng cộng đồng	3	27		36	135		6	Bộ môn Toán - Sinh
37	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	2. GDM. N0. 2	Giáo dục môi tr-ờng cho trẻ mầm non	2	18		24	90	15	4	Bộ môn Văn - MTXQ
b	2. KTK. NO.2	H-óng dẫn trẻ khám phá đổi t-ượng của môi tr-ờng XQ	2	18		24	90	19	4	Bộ môn Văn - MTXQ
III	Thực tập nghề nghiệp, Khoa luận tốt nghiệp		11							
38	2. THS. N1. 2	Thực hành SP	2						3	
39	2. THS. N1. 2	Thực tập s- phạm	2						5	
40	2. TTN. N1. 3	Thực tập tốt nghiệp	3						6	
41	2. KLT. N1 4	Khoa luận TN	4						6	
42	Học phần thay thế KLTN		4							
a	2. DCH. N0. 2	Làm đồ dùng dạy học và đồ chơi	2	18		24	90	16	6	Mỹ thuật-Âm nhạc
b	2. HDP. N1. 2	Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ	2	18		24	90	26	6	Bộ môn Văn - MTXQ
	Tổng cộng		112							

9. Mô tả nội dung các học phần

9.1 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1/The basic principles of Marxism 1

2tc (21,18,0)

Nội dung ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, t-ống Hồ Chí Minh của Bộ tr-ống Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2/The basic principles of Marxism 2

3tc (32,26,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.1

Nội dung ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, t-ống Hồ Chí Minh của Bộ tr-ống Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.3. T-ống Hồ Chí Minh/HoChiMinh's ideology

2tc (21,18,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.2

Nội dung ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, t-ống Hồ Chí Minh của Bộ tr-ống Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.4. Đ-ờng lối cách mạng của Đảng CSVN/Vietnamese revolution policy

3 tc (32,26,0)

Điều kiện tiên quyết: 9.3

Nội dung ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, t-ống Hồ Chí Minh của Bộ tr-ống Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.5. Tiếng Anh 1/English 1

4 tc (36,48,0)

Trang bị thêm cho sinh viên kiến thức cơ bản về một ngoại ngữ 2 làm cơ sở để sinh viên so sánh, đối chiếu với tiếng Anh và tiếng Việt. Ngoài ra, từ những kiến thức đã đ-ợc học, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu thêm để nâng cao trình độ, phục vụ cho công tác chuyên môn.

9.6. Tiếng Anh 2/English 2

3 tc (27,36,0)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Trang bị thêm cho sinh viên kiến thức cơ bản về một ngoại ngữ 2 làm cơ sở để sinh viên so sánh, đối chiếu với tiếng Anh và tiếng Việt. Ngoài ra, từ những kiến thức đã đ-ợc học, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu thêm để nâng cao trình độ, phục vụ cho công tác chuyên môn.

Giáo dục thể chất/Physical education

45 tiết

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/09/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ Tr-ống Bộ giáo dục & Đào tạo.

Giáo dục Quốc phòng/Military education	135 tiết
Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/12/2007 của Bộ Trưởng Bộ giáo dục & Đào tạo.	
9.7. Pháp luật đại c- ơng/Basic law	2tc (15,30,0)
Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại c- ơng về pháp luật Việt Nam.	
9.8. Quản lý HCNN & Quản lý GD MN/Administration and education management	3 tc (27,36,0)
Thực hiện theo quyết định số 33/2002-BGD&ĐT ngày 22/7/2002 về việc ban hành ch- ơng trình QLHCNN & QLGD.	
9.9. Tâm lý học đại c- ơng/General psychology	2 tc (18,24,0)
<i>Điều kiện tiên quyết:</i> Không.	
Giới thiệu cho sinh viên về đối t- ợng, nhiệm vụ, phong pháp nghiên cứu, chức năng, bản chất hiện t- ợng tâm lý ng- ời và sự đa dạng của các hiện t- ợng tâm lý trong đời sống con ng- ời; Những vấn đề cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý, sự nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về các ph- ơng diện cá thể; Các quá trình nhận thức nh- cảm giác, tri giác, t- duy, t- ợng t- ợng và trí nhớ. Ngôn ngữ của một ng- ời; Một số vấn đề về bản chất các thuộc tính tâm lý của nhân cách và con đ- ờng hình thành nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách và biện pháp khắc phục chúng.	
9.10. Giáo dục học đại c- ơng/Education study for base	2 tc (18,24,0)
<i>Điều kiện tiên quyết:</i> không.	
Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản, đại c- ơng về giáo dục học, các khái niệm, các phạm trù, các nguyên tắc và ph- ơng pháp cơ bản của giáo dục học, làm cơ sở cho việc tiếp thu các học phần PPGD, rèn luyện nghiệp vụ s- phạm, thực tập s- phạm.	
9.11. Tin học /Infomatics	2tc (10,0,40)
<i>Điều kiện tiên quyết:</i> Không	
Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về tin học, cách sử dụng các phần mềm hệ thống và tiện ích, đặc biệt là các kỹ năng soạn thảo văn bản và xử lý bảng tính Excel, PowerPoint, truy cập thông tin từ mạng Internet, lưu trữ các văn bản vận dụng tin học và các phương tiện công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy.	
9.12. Chọn 1 trong 3 học phần	
a. Giáo dục thẩm mĩ / The aesthetic education	2 tc (15, 30,0)
<i>Điều kiện tiên quyết:</i> Không	
Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mỹ học; Nâng cao bản chất, nội dung và các hình thức giáo dục thẩm mĩ cho trẻ em. Góp phần nâng cao nhận thức cho sinh viên về sự kết hợp giữa giáo dục thẩm mĩ với giáo dục đạo đức cho trẻ em.	

b. Địa ph- ơng học /Regionalogy

2 tc (18, 24,0)

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết và phương pháp tiếp cận nghiên cứu khu vực và địa phương; cung cấp một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về địa phương Thanh Hoá trên các phương diện: địa lý, lịch sử, kinh tế, văn hoá.

Học phần cũng trang bị ph-ong pháp tiếp cận và những thao tác của nghiên cứu địa ph-ong để ứng dụng vào thực tiễn phục vụ các ch-ong trình phát triển cũng nh- tổ chức các đề tài và ch-ong trình nghiên cứu về Thanh Hoá.

c. Môi trường và con người/Environment and human 2tc (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho SV những khái niệm và nội dung cơ bản về môi trường toàn cầu và Việt Nam; mối quan hệ biện chứng giữa môi trường và phát triển hiện nay, phát triển bền vững và phát triển không bền vững; về vai trò của nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Học phần cũng trang bị cho SV một số phương pháp t- duy hệ thống trong nhận thức các vấn đề về môi tr- ờng và phát triển.

9.13. Chon 1 trong 3 hoc phan

a. Tiếng Việt/Vietnames

Điều kiện tiên quyết: Không

2 (18,24,0)

Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về tiếng Việt: ngữ âm, từ, câu, ngữ pháp văn bản, phong cách học.

b. Văn học dân gian/Traditional literature

2t_c (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho sinh viên bản chất, đặc tr- ng; thể loại của văn học dân gian. Rèn cho SV khả năng hoạt động độc lập khi phân tích một tác phẩm cụ thể. Trên cơ sở đó bồi d- ồng cho SV tình yêu và những hiểu biết về nền văn hóa truyền thống của dân tộc.

c. Văn học trẻ em/Literature for children

2t_c (18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Văn học dân gian.

Cung cấp hệ thống những tác phẩm văn học dành cho trẻ em trong và ngoài nước giúp người học nâng cao nhận thức và có thái độ sống giàu tính nhân văn phù hợp với giáo dục Mầm non.

9.14. Tâm lý học MN/ Psychology

4tc (36.48,0)

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học ĐC

Những vấn đề chung của tâm lý học trẻ em. Các học thuyết về sự phát triển tâm lý và sự học của trẻ em lứa tuổi Mầm non. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em từ bào thai đến 6 tuổi. Một số nội dung cơ bản về tâm lý học dạy học và giáo dục Mầm non. Phương pháp nghiên cứu, đánh giá sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non; Điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội và các qui luật của sự phát triển tâm lý trẻ em; Các đặc điểm tâm lý, nhân cách và các hoạt động chủ đạo của

trẻ lứa tuổi sơ sinh, mẫu giáo; Một số vấn đề cơ bản về sự cần thiết và các nội dung chuẩn bị về mặt tâm lý cho trẻ mẫu giáo đến trường Tiểu học.

9.15. Giáo dục MN và giáo dục gia đình/Children and family pedagogy

4 tc (36,48,0)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại c- ơng.

Trang bị cho sinh viên hệ thống các kiến thức cơ bản về giáo dục trẻ MN, nội dung, nguyên tắc, ph- ơng pháp CSGD trẻ.

Vai trò, đặc điểm của gia đình; các yếu tố ảnh h- ưởng đến hiệu quả của giáo dục gia đình; nhiệm vụ và nội dung giáo dục gia đình; ph- ơng pháp và biện pháp giáo dục gia đình. Mối quan hệ giữa gia đình và nhà tr- ờng trong chăm sóc và giáo dục trẻ.

9.16. Mỹ thuật /Art (Basic)

4 tc (36,48,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình. Kiến thức và kỹ năng thể hiện về luật xa gần, hình họa, màu sắc, bố cục, tỷ lệ ng- ời, phóng tranh, tranh đề tài, tranh minh họa, tranh xé-cắt-dán, kẻ cắt chữ, nặn; trang trí tr- ờng lớp Mầm non. Những vấn đề chung về kỹ thuật làm đồ chơi: ý nghĩa của đồ chơi đối với trẻ nhỏ; những yêu cầu khoa học đối với đồ chơi dùng cho trẻ nhỏ; nguyên tắc làm đồ chơi; kỹ thuật làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau.

9.17. Âm nhạc / Music

4 tc (36,48,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nhạc lý cơ bản: Cao độ âm thanh, tr- ờng độ âm thanh, nhịp, phách, các loại nhịp, dấu hóa, hóa biểu, cung, quãng, điệu thức, gam, giọng, dịch giọng, hợp âm, sơ lọc về hình thức và thể loại âm nhạc, các ký hiệu. Tập đọc nhạc: Tập đọc điệu thức tr- ờng, điệu thức thứ. Kỹ thuật ca hát cơ bản (sơ l- ợc bộ máy phát âm, hơi thở - hơi thở ca hát, bài tập luyện thanh, t- thế ca hát thông th- ờng); động tác giữ nhịp, dàn dựng bài hát; học các bài hát phù hợp với ch- ơng trình GDMN.

Múa cơ bản: Khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa; một số kỹ năng múa các động tác dân gian cơ bản.

9.18. Nghề giáo viên MN và đánh giá trong GD MN/Nursery teaching proffession and nursery teaching assesment

3tc(27,36,0)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non và giáo dục gia đình.

Hoạt động s- phạm của GVMN: Đối t- ợng hoạt động s- phạm của GVMN. Công cụ lao động, chức năng và các kỹ năng nghề GVMN. Giao tiếp và ứng xử s- phạm của GVMN. Khó khăn và tình huống s- phạm và trong công tác của GVMN.

Các giai đoạn phát triển nhân cách và nghề GVMN: Con đ- ờng hình thành phẩm chất và năng lực của GVMN. Định h- ống, các giai đoạn phát triển nghề và các yêu cầu chuẩn của các bậc đào tạo. Các loại hình đào tạo và bồi d- ỡng th- ờng xuyên đổi với nghề GVMN.

9.19. Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non/The physical development of pre- school children.

2tc(18,0,24)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về sự phát triển thể chất của trẻ em; các thời kỳ phát triển cơ thể trẻ em, các chỉ số đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý và các biện pháp vệ sinh bảo vệ các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em lứa tuổi Mầm non (hệ thần kinh, hệ phân tích, hệ vận động, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ nội tiết, hệ bài tiết và sinh dục).

9.20. Tổ chức hoạt động vui chơi/Organizing games and playing activites

3tc(27,0,36)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học Mầm non và GD gia đình.

Những vấn đề cơ bản về trò chơi trẻ em: Khái niệm hoạt động vui chơi. Các loại trò chơi của trẻ em. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi. Sự hình thành và phát triển các loại trò chơi trong độ tuổi mầm non: Trò chơi giả bộ (trò chơi phản ánh sinh hoạt và trò chơi đóng vai), trò chơi xây dựng, trò chơi có luật. Đánh giá mức độ phát triển hoạt động vui chơi của trẻ.

Vị trí hoạt động vui chơi trong ch- ơng trình GDMN. Vai trò của ng- ời lớn đối với sự phát triển hoạt động vui chơi của trẻ. Ph- ơng pháp h- ống dẫn trẻ chơi, ý nghĩa, nội dung ph- ơng pháp và hình thức tổ chức các thời điểm vui chơi trong ngày của trẻ. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở tr- ờng Mầm non.

9.21. Ph- ơng pháp giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non/Teaching physical method

3tc(27,0,36)

Điều kiện tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non.

Đối t- ợng nghiên cứu của ph- ơng pháp giáo dục thể chất; Một số khái niệm cơ bản trong lý luận giáo dục thể chất; Sơ l- ợc về sự phát triển hệ thống giáo dục thể chất nói chung và sự phát triển hệ thống giáo dục thể chất Việt nam nói riêng. Cơ sở sinh lý vận động và qui luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động. Đặc điểm phát triển thể chất của trẻ Mầm non và biện pháp giáo dục phù hợp. Các nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, ph- ơng pháp, hình thức, ph- ơng tiện và điều kiện giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non. Ph- ơng pháp nghiên cứu khoa học đối với lĩnh vực giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non.

9.22. Tổ chức hoạt động tạo hình/Organizing plastic activites for children

4tc(36,0,48)

Điều kiện tiên quyết: Mĩ thuật

Những vấn đề lý luận cơ bản: ý nghĩa của hoạt động tạo hình với sự phát triển trẻ toàn diện; đặc điểm hoạt động tạo hình của trẻ Mầm non; giáo dục thẩm mĩ cho trẻ thông qua các ph- ơng tiện hoạt động tạo hình; nội dung và các thể loại hoạt động tạo hình của trẻ Mầm non: Vẽ, nặn, cát dán, chắp ghép.

Tổ chức hoạt động tạo hình trong các cơ sở GDMN: Vị trí của hoạt động tạo hình và sáng tạo thẩm mỹ trong ch- ơng trình GDMN; mục đích, nhiệm vụ, nội dung, ph- ơng pháp, hình thức và điều kiện tổ chức hoạt động tạo hình; lập kế hoạch tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình và sáng tạo thẩm mỹ của trẻ.

9.23. Tổ chức hoạt động âm nhạc/Organizing music activites for children 4tc(36,0,48)

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Ý nghĩa của âm nhạc đối với trẻ; Đặc điểm cảm thụ và năng lực âm nhạc, múa của lứa tuổi Mầm non; Vị trí của hoạt động âm nhạc trong chơng trình GDMN; Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, ph- ơng pháp, hình thức và điều kiện giáo dục âm nhạc ở tr- ờng mầm non.

Hình thức và các thể loại tổ chức hoạt động âm nhạc của trẻ Mầm non: Ca hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc.

9.24. Ph- ơng pháp hình thành các biểu t- ợng toán cho trẻ mầm non/The method of shaping mathematical symbols for pre-school children.

3tc(27,0,36)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Những vấn đề lý luận cơ bản: Vai trò, nhiệm vụ và nội dung ch- ơng trình hình thành các biểu t- ợng toán cho trẻ Mầm non; đặc điểm của việc hình thành các biểu t- ợng toán cho trẻ Mầm non; các hình thức tổ chức và các ph- ơng pháp hình thành các biểu t- ợng toán cho trẻ Mầm non.

Thực hành: H- ống dẫn bài dạy, phân tích giáo án, tổ chức tập dạy, kiến tập tr- ờng mầm non về việc hình thành các biểu t- ợng toán cho trẻ Mầm non.

9.25. Ph- ơng pháp cho trẻ khám phá khoa học về MTXQ/ The method for children to discove scienle about surrounding enviroment

3 tc(27,0,36)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học Mầm non và giáo dục gia đình.

Những vấn đề lý luận cơ bản: Một số khái niệm (môi tr- ờng thiên nhiên, môi tr- ờng xã hội); ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá khoa học và môi tr- ờng xung quanh; đặc điểm nhận thức của trẻ về môi tr- ờng xung quanh; cơ sở giáo dục học của việc khám phá khoa học và môi tr- ờng xung quanh (mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, ph- ơng pháp, hình thức và điều kiện cho trẻ khám phá khoa học và môi tr- ờng xung quanh).

Tổ chức khám phá khoa học và môi tr- ờng xung quanh, giáo dục tình cảm - xã hội, ý thức đối với môi tr- ờng cho trẻ ở tr- ờng Mầm non: Môi tr- ờng thiên nhiên gần gũi (động vật, thực vật và hiện t- ợng thiên nhiên) và môi tr- ờng xã hội.

9.26. Ph- ơng pháp phát triển ngôn ngữ/Methods of language development 3tc (27,0,36)

Điều kiện tiên quyết: 9.13

Cơ sở lý luận và các ph- ơng pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non, vận dụng các phương pháp các hình thức trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

Hiểu được ý nghĩa của việc phát triển ngôn ngữ và giao tiếp, nắm được đặc điểm phát triển ngôn ngữ trẻ em.

9.27. Ph- ơng pháp làm quen với TP Văn học/Methods of literature familiarization for children 2tc(18,0,24)

Điều kiện tiên quyết: 9.13

Vị trí của văn học trong giáo dục trẻ; văn học dân gian, văn học thiếu nhi trong và ngoài n- ớc. Đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ em.

Vai trò của đọc kể diễn cảm trong việc phát triển hoạt động ngôn ngữ nghệ thuật của trẻ em lứa tuổi mầm non: Chất giọng, lôgíc đọc, ngữ điệu, ngắt nghỉ giọng, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, lấy hơi. Cách thức thể hiện các loại hình văn học: Đọc thơ, đọc và kể chuyện, sân khấu hóa các loại hình văn học.

Nhiệm vụ của việc cho trẻ tiếp xúc với văn học: Lập kế hoạch, đánh giá, ph- ơng pháp, biện pháp và hình thức đọc thơ, kể chuyện cho trẻ nghe; phong pháp và hình thức dạy trẻ thể hiện các tác phẩm văn học.

9.28. Vệ sinh trẻ MN/ Hygiene for disabled children 2tc(18,0,24)

Điều kiện tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non.

Những kiến thức cơ bản về vệ sinh học: vi sinh vật; sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và ký sinh ở ng- ời, đại c- ơng về nhiễm khuẩn, các biện pháp diệt khuẩn và ứng dụng trong các cơ sở GD MN. Yêu cầu về chế độ vệ sinh ở Tr- ờng Mầm non.

9.29. Dinh d- ưỡng trẻ MN / Nutrition 2tc(18,0,24)

Điều kiện tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về dinh d- ưỡng học đại c- ơng và dinh d- ưỡng trẻ em theo lứa tuổi; ph- ơng pháp điều tra khẩu phần, xây dựng khẩu phần, xây dựng thực đơn cho trẻ.

9.30. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non/Prevention and safe for children 2tc(18,0,24)

Điều kiện tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non.

Phòng bệnh cho trẻ em: Các bệnh th- ờng gặp ở trẻ em; sơ cứu ban đầu và cấp cứu khẩn cấp th- ờng gặp; thuốc và cách sử dụng thuốc trong tr- ờng Mầm non. Phòng tránh và xử lý một số tai nạn th- ờng gặp ở trẻ nhỏ. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và giáo dục vệ sinh an toàn cho trẻ trong tr- ờng Mầm non.

9.31. Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tuổi mầm non/Integrative education 2tc(18,24,0)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học Mầm non.

Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập (GDHN): Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của GDHN; GDHN trên thế giới và ở Việt Nam.

Các hình thức tổ chức GDHN; các nguyên tắc GDHN; chiến l- ợc thúc đẩy và hỗ trợ GDHN; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

9.32. Ch- ơng trìn h và tổ ch- ức thực hiện ch- ơng trìn h GDMN/Curriculu and organization 3tc (27,36,0)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học Mầm non và giáo dục gia đình.

Ch- ơng trìn h giáo dục MN; Lập kế hoạch tổ ch- ức thực hiện kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ; Tổ ch- ức các hoạt động tích hợp theo chủ đề; Xây dựng môi tr- ờng giáo dục, h- ống dẫn cách thức tạo dựng và sử dụng môi tr- ờng giáo dục cho các hoạt động; Các điều kiện thực hiện ch- ơng trìn h (yếu tố con ng- ời, cơ chế quản lý và tổ ch- ức thực hiện, cơ sở vật chất).

9.33. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Xếp dán/Folding and sticking 3tc (27,0,36)

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật.

Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản của môn nặn và xếp dán; SV đ- ợc vận dụng kiến thức, kỹ năng xếp dán vào việc xây dựng tranh theo một truyện kể ở MN để làm đồ dùng dạy học.

b. Mỹ thuật (kiến thức nâng cao)/Art (Advanced) 3 (27,0,36)

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật.

Cung cấp kiến thức nâng cao, kỹ năng về hình họa tĩnh vật đen + trắng, tĩnh vật màu và ký họa ng- ời, con vật; SV đ- ợc h- ống dẫn, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào việc xây dựng tranh theo 1 truyện kể ở MN để làm đồ dùng dạy học.

9.34. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Đàn oóc gan-Chỉ huy dàn dựng/Organ-Conducting 2tc(27,0,36)

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc cơ bản.

Giới thiệu về đàn órgan, một số chức năng cơ bản và thực hành các bài tập C Dur, F Dur, G Dur. Kỹ thuật cơ bản về dàn dựng và chỉ huy.

b. Âm nhạc (kiến thức nâng cao)/Music (Advanced) 3 (27,0,36)

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc cơ bản.

Nâng cao kỹ năng thực hành âm nhạc: Ký x- ống âm và hát. Nâng cao kỹ năng thực hành, biên soạn múa cho trẻ MN.

9.35. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Tiếp cận trọn vẹn trong PT ngôn ngữ/Approach in language development 2tc(18,0,24)

Điều kiện tiên quyết: Ph- ơng pháp PT ngôn ngữ.

Giúp SV nắm vững lý luận về ph- ơng pháp phát triển ngôn ngữ; vận dụng các ph- ơng pháp, các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ qua các hoạt động.

b. Đọc kể diễn cảm/Emotional reading 2tc(18,0,24)

Điều kiện tiên quyết: 9.13.

Nâng cao kỹ năng thực hành năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học cho SV. Giúp SV nắm vững và vận dụng linh hoạt các ph- ơng pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học vào việc chăm sóc, giáo dục trẻ một cách có hiệu quả.

9.36. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Sức khoẻ sinh sản/Birth health

2tc(18,0,24)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Trang bị cho SV những kiến thức về sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình, các biện pháp chăm sóc và bảo vệ bà mẹ và trẻ em.

b. Giáo dục dinh d- ồng cộng đồng/Community nutrition education

2tc(18,0,24)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về chính sách dinh d- ồng ở Việt Nam; vệ sinh an toàn thực phẩm; cách chăm sóc ng- ời mẹ mang thai, nuôi con bú, ng- ời cao tuổi ng- ời mắc bệnh mãn tính.

9.37. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Giáo dục môi tr- ờng cho trẻ Mầm non/Enviroment education

2tc(18,0,24)

Điều kiện tiên quyết: 9.15.

Cơ sở của việc đ- a nội dung giáo dục bảo vệ môi tr- ờng vào ch- ơng trình giáo dục Mầm non . Vị trí, vai trò, mục tiêu, nguyên tắc giáo dục môi tr- ờng cho trẻ Mầm non. Nội dung, nhiệm vụ của việc giáo dục môi tr- ờng cho trẻ Mầm non. Ph- ơng pháp, hình thức giáo dục môi tr- ờng cho trẻ Mầm non; các điều kiện giáo dục môi tr- ờng. Tích hợp nội dung giáo dục môi tr- ờng thông qua các chủ đề, các hoạt động: hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, lao động, lễ hội và đạo chơi. Thiết kế hoạt động có tích hợp nội dung giáo dục môi tr- ờng cho trẻ trong tr- ờng Mầm non; thực hành giáo dục môi tr- ờng cho trẻ Mầm non.

b. H- óng dẫn trẻ khám phá đối t- ượng của môi tr- ờng xung quanh/Instruct Children to discover obiects of surrounding environmen

2tc(18,0,24)

- *Điều kiện tiên quyết:* 9.19

Giúp sinh viên nắm vững: Cơ sở của hoạt động khai thác đối t- ượng và tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ. Nắm vững đặc điểm nhận thức và cách học của trẻ về MTXQ. Nắm vững mục đích, nhiệm vụ khai thác và khám phá đối t- ượng của MTXQ; Nội dung và cách thức khám phá MTXQ.

Cách thức cho trẻ khám phá MTXQ .

9.38. Thực hành SP/Teaching practice observation

2 tín chỉ

B- ớc đầu sinh viên có những hiểu biết tổng quát về tr- ờng Mầm non: tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của ng- ời giáo viên, hệ thống tổ chức, các loại hình tr- ờng, lớp Mầm non. Biết vận dụng những kiến thức đã học để quan sát, đánh giá, rút kinh nghiệm về các hoạt động giảng dạy, giáo dục và chăm sóc trẻ. Mở rộng hiểu biết cho sinh viên về ngành nghề qua việc đi thực tế các tr- ờng mầm non trọng điểm quốc gia. Từ đó hình thành phẩm chất nghề nghiệp của ng- ời giáo viên Mầm non.

9.45. Thực tập s- phạm/Practicum

2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Thực hành s- phạm

B- óc đ-àu rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ nh- : hoạt động học tập, vui chơi ...ở các nhóm lớp; chăm sóc, vệ sinh và đảm bảo an toàn cho trẻ; làm giàu vốn kinh nghiệm thực tế về ph- ơng pháp chăm sóc giáo dục trẻ. Rèn kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng. Từ đó hình thành phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của ng- ời giáo viên Mầm non.

9.46. Thực tập tốt nghiệp/Final practice

3 tc

Điều kiện tiên quyết: Thực tập s- phạm

Sinh viên thực tập toàn diện tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ nh- một giáo viên ở tr-ờng mầm non. Biết thiết kế các hoạt động giáo dục chăm sóc giáo dục theo h-ống đổi mới.Tiếp cận và vận dụng linh hoạt các ph- ơng pháp và ph- ơng tiện hiện đại trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Tiếp tục rèn luyện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng. Từ đó hình thành phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của ng- ời giáo viên mầm non.

9.41. Khoa luận tốt nghiệp/Thesis

4 tín chỉ

9.42. Học phần thay thế KLTN

a. Làm đồ dùng dạy học và đồ chơi/Making teaching aids and toys

2tc(18,0,24)

Điều kiện tiên quyết: Mĩ thuật.

Rèn cho SV kỹ thuật cơ bản làm đồ dùng dạy học, đồ chơi; thực hành làm một số đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ MN.

b. Tổ chức các hoạt động PT ngôn ngữ cho trẻ/Language development activities for children

2tc (18,0,24)

Điều kiện tiên quyết: Ph- ơng pháp PT ngôn ngữ.

Rèn kỹ năng tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở tr-ờng MN thông qua các hoạt động: hoạt động chung, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời.

10. Đơn vị đ-ảm nhận giảng dạy học phần

TT	Học phần	Bộ môn
1	Những nguyên lí của chủ nghĩa MLN1	Bộ môn nguyên lý
2	Những nguyên lí của chủ nghĩa MLN2	Bộ môn nguyên lý
3	T- t- ờng Hồ Chí Minh	T. T- ờng-PL
4	Đ- ờng lối CM của ĐCSVN	Đ- ờng lối Cách mạng
5	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ không chuyên
6	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ không chuyên
	Giáo dục thể chất	GDTC
	Giáo dục Quốc phòng1,2	GDQP
7	Pháp luật đại c- ơng	T. T- ờng-PL
8	Quản lý HCNN và quản lý GDMN	Bộ môn Tâm lý-Giáo dục
9	Tâm lý học đại c- ơng	Bộ môn Tâm lý-Giáo dục
10	Giáo dục học đại c- ơng	Bộ môn Tâm lý-Giáo dục
11	Tin học	CNTT&TT
12 a	Giáo dục thẩm mỹ	Nguyên lý

12 b	Địa ph- ơng học	Bộ môn Lịch sử
12 c	Môi tr- ờng và con ng- ời	Bộ môn Địa lý
13 a	Tiếng việt	Bộ môn Văn - MTXQ
13 b	Văn học dân gian	Bộ môn Văn - MTXQ
13 c	Văn học trẻ em	Bộ môn Văn - MTXQ
14	Tâm lý học MN	Bộ môn Tâm lý-Giáo dục
15	Giáo dục học mầm non và GD gia đình	Bộ môn Tâm lý-Giáo dục
16	Mỹ thuật	Mỹ thuật-Âm nhạc
17	Âm nhạc	Mỹ thuật-Âm nhạc
18	Nghề giáo viên MN và đánh giá trong GDMN	Bộ môn Toán - Sinh
19	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	Bộ môn Toán - Sinh
20	Tổ chức hoạt động vui chơi	Bộ môn Tâm lý-Giáo dục
21	Ph- ơng pháp giáo dục thể chất cho trẻ MN	Bộ môn Văn - MTXQ
22	Tổ chức hoạt động tạo hình	Mỹ thuật-Âm nhạc
23	Tổ chức hoạt động âm nhạc	Mỹ thuật-Âm nhạc
24	Ph- ơng pháp hình thành các biểu t- ượng toán cho trẻ mầm non	Bộ môn Toán - Sinh
25	PP cho trẻ Mầm non khám phá khoa học về MTXQ	Bộ môn Văn - MTXQ
26	Ph- ơng pháp phát triển ngôn ngữ	Bộ môn Văn - MTXQ
27	PP làm quen với TP Văn học	Bộ môn Văn - MTXQ
28	Vệ sinh trẻ MN	Bộ môn Toán - Sinh
29	Dinh d- ưỡng trẻ MN	Bộ môn Toán - Sinh
30	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN	Bộ môn Toán - Sinh
31	Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tuổi mầm non	Bộ môn Văn - MTXQ
32	Ch- ơng trình và tổ chức thực hiện ch- ơng trình GDMN	Bộ môn Văn - MTXQ
33 a	Xếp dán	Mỹ thuật-Âm nhạc
33 b	Mỹ thuật (Kiến thức nâng cao)	Mỹ thuật-Âm nhạc
34 a	Đàn oóc- gan- chỉ huy đàn dựng	Mỹ thuật-Âm nhạc
34 b	Âm nhạc (Kiến thức nâng cao)	Mỹ thuật-Âm nhạc
35 a	Tiếp cận trực tiếp trong phát triển ngôn ngữ	Bộ môn Văn - MTXQ
35 b	Đọc kể diễn cảm	Bộ môn Văn - MTXQ
1.	Sức khoẻ sinh sản	Bộ môn Toán - Sinh
36 b	Giáo dục dinh d- ưỡng cộng đồng	Bộ môn Toán - Sinh
36 a	Giáo dục môi tr- ờng cho trẻ mầm non	Bộ môn Văn - MTXQ
37 b	H- ống dẫn trẻ khám phá đối t- ượng của môi tr- ờng xung quanh	Bộ môn Văn - MTXQ
37	Thực hành s- phạm	
38	Thực tập s- phạm	
39	Thực tập tốt nghiệp	
40	Khoa luận tốt nghiệp	
41	Học phần thay thế KLTN	
	Làm đồ dùng dạy học và đồ chơi	Mỹ thuật-Âm nhạc
	Tổ chức các HĐ phát triển ngôn ngữ cho trẻ	Bộ môn Văn - MTXQ

11. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

11.1. Hệ thống t- liệu, th- viện, mạng Internet

Trung tâm Thông tin t- liệu - Th- viện Tr- ờng ĐHHĐ cần có đủ đầu sách, báo, tạp chí chuyên ngành và các lĩnh vực có liên quan đủ để đáp ứng nhu cầu về tài liệu tham khảo cho giảng viên và sinh viên.

Ngoài ra, để có thể truy cập tìm kiếm thêm thông tin, tài liệu phục vụ cho quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học thông qua hệ thống mạng nội bộ, mạng Internet cần đ- ợc trang bị và kết nối đến tận các khoa chuyên môn, phòng ban trong toàn tr- ờng.

11.2. Cơ sở thực hành thực tập

Hệ thống lớp học, phòng thực hành và các thiết bị, đồ dùng dạy học cơ bản cần đ- ợc trang bị đủ các ph- ơng tiện, dụng cụ đáp ứng cho nhu cầu dạy và học nh- : Phòng học múa, phòng thực hành Âm nhạc, phòng thực hành Tạo hình (g- ơng, các loại đàn, video, giá vẽ, mô hình, hình mẫu...); Các phòng thực hành về sinh học, dinh d- ỡng vệ sinh phòng bệnh (Kính hiển vi, đồ dùng nấu ăn, máy xay nghiền các loại...).

11.3. Tài liệu tham khảo các môn học

TT	Tên HP	Tên tài liệu
1	Tiếng Việt	1.Ngữ pháp Tiếng việt/Diệp Quang Ban/GD/1996 2. Ngữ âm tiếng việt/V- ơng Hữu Lẽ và Hoàng Dũng/ĐHSPHN/1994 3. Từ vựng ngữ nghĩa Tiếng Việt/Đỗ Hữu Châu/ĐHQG/1997
2	Văn học dân gian	1.Văn học dân gian Việt Nam/Hoàng Tiến Tựu/GD/1990. 2. Tìm hiểu tiến trình VHGD Việt Nam/Cao Huy Đỉnh/KHXH, H/1976. 3. Văn học dân gian Việt nam/Đỗ Bình Trị/GD/1991
3	Văn học trẻ em	1.Cơ sở lý luận văn học/Lê Bá Hán - Ph- ơng Lựu/ĐH&THCN/1980. 2. Văn học và trẻ em/Nhiều tác giả:/Kim Đồng/1982. 3. Giáo trình văn học trẻ em/Trần Đức Ngôn, D- ơng Thu H- ơng/ĐHSP, H/1995
4	PPPhát triển ngôn ngữ	1.Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non/Lê Thị Kim Anh/1999 2. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non/Nguyễn Xuân Khoa/ĐHQG.H
5	Ph- ơng pháp làm quen với Văn học	1.Văn học và ph- ơng pháp giúp trẻ làm quen với tác phẩm văn học/Cao Đức Tiến (chủ biên)/TTNC&ĐTBDGV,H/1993 2. Tiếng Việt-Văn học &ph- ơng pháp giáo dục/L- ơng Kim Nga, Nguyễn Thị Thuận/GD
6	Âm nhạc	1.Lý thuyết âm nhạc cơ bản/Phạm Tú H- ơng/GD/1995 2. Giáo dục âm nhạc/Phạm Thị Hoà, Ngô Thị Nam/ĐHQG. H/1995 3. Giáo trình x- ống âm/Nhạc viện Hà Nội/1983
7	Mỹ thuật	1.L- ợc sử mỹ thuật và mỹ thuật học/Chu Quang Trứ, Phạm Thị Chính, Nguyễn Thái Lai/GD/1998. 2. Luật xa gần và giải phẫu Tạo hình/Trần Tiểu Lâm, Đặng Xuân C- ờng/GD/1998 3. Ký họa và bối cảnh/Tạ Ph- ơng Thảo, Nguyễn Lăng Bình/GD
8	Làm đồ dùng dạy học và đồ chơi	1.Đồ chơi và cách làm đồ chơi cho trẻ mầm non/Nguyễn Lăng Bình, Lê đức Hiền, Nguyễn Mỹ Nga 2. Em tập gấp hình/Lê Thu Hiền/ĐHSP,H/1997. 3. Đồ chơi mềm, búp bê và các con rối/II S Grei/Matxcova/1979.
9	Tổ chức các	1.Ph- ơng pháp dạy trẻ hoạt động tạo hình và lắp ghép trong tr- ờng Mầm

	hoạt động tạo hình	non/Lê Thanh H- ng và Đỗ Minh Liên/ĐHSP H 2. Tạo hình và ph- ơng pháp h- ống dẫn hoạt động tạo hình Tập 1,2/Nguyễn Lăng Bình/H/1994 3. Tâm lý học hoạt động tạo hình của trẻ em/Matxcov/1961 4. Những kiến thức cơ sở của nghệ thuật Tạo hình và ph- ơng pháp hoạt động tạo hình cho trẻ em./Matxcov/1981
10	Tổ chức hoạt động âm nhạc	1.Âm nhạc và ph- ơng pháp giáo dục âm nhạc/Ngô Nam/GD/1993 2. Trẻ mầm non ca hát/Hoàng Văn Yến/Âm nhạc/2001. 1.Hướng dẫn thực hiện “Chương trình giáo dục âm nhạc mẫu giáo” (Theo nội dung đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục mầm non)/ Âm nhạc/2004.
11	Ph- ơng pháp làm quen với toán	1.Hình thành các biểu t- ượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non/A.U.Leuina 2. Toán học và PP cho trẻ làm quen với toán/. Nguyễn Duy Thuận, Đặng Ngọc Châm 3. Toán học và ph- ơng pháp hình thành các biểu t- ượng toán học ban đầu cho trẻ Mầm non/Nguyễn Thanh Sơn, Đào Nh- Trang, Trịnh Minh Loan
12	PPGD thể chất cho trẻ MN	1.Ph- ơng pháp giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non/Đặng Hồng Ph- ơng và Hoàng Thị B- ởi/GD,H/1995. 2. Đo l- ờng thể thao/D- ơng Nghiệp Chí/TDTT/1991
13	Dinh d- ờng trẻ MN	1.Dinh d- ờng và an toàn thực phẩm/GS. Từ Giấy; GS. Hà Huy Khôi 2. Dinh d- ờng và an toàn thực phẩm/Y học: H/1996. 3. Thành phần dinh d- ờng thực phẩm Việt Nam/Y học/2000
14	Ph- ơng pháp cho trẻ làm MN khám phá khoa học về MTXQ	1.Cơ sở ph- ơng pháp cho trẻ làm quen với môi tr- ờng xunh quanh/Lê Thị Ninh -Trần Hồng Việt -Võ Thị Cúc/ĐHSP H 2. Ph- ơng pháp h- ống dẫn trẻ làm quen với MTXQ/Trần Thị Thanh/GD,H/1995.
15	Vệ sinh trẻ MN	1.Chăm sóc sức khoẻ trẻ em từ 0 đến 6 tuổi/Nguyễn Thị Phong/1995. 2. Giáo trình vệ sinh trẻ em/ĐHSP /2003
16	Giải phẫu sinh lý trẻ MN	1.GP-SL và vệ sinh trẻ em tr- ớc tuổi đến tr- ờng/A.N Kabanov/1983 2.Sinh lý học trẻ em/Lê Thanh Vân/ĐH Quốc gia H 3.Giải phẫu sinh lý trẻ em/Trần Quy; Trần Trọng Thuỷ/GD 4.Giải phẫu sinh lý và Vệ sinh trẻ em tr- ớc tuổi đến tr- ờng/ANKabanov- AP.TsaBovsKav/GD 5.Chăm sóc và giáo dục trẻ/UnFpa-UNICEF/GD
17	GDHN trẻ khuyết tật tuổi MN	1.Những vấn đề về GDH và giáo dục đặc biệt/ĐHSP HN 2.Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật/Vụ Giáo viên/2003 3.Can thiệp sớm và giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật Mầm non/Vụ Giáo viên 4.Công tác quản lý trong giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật
18	Giáo dục MN & GDGĐ	1.Một số vấn đề quản lý tr- ờng Mầm non/Đinh Văn Vang/ĐHSP. H/2003 2.Đánh giá trong giáo dục/Trần Bá Hoành/ GD/1977
19	Giáo dục dinh d- ờng cộng đồng	1.Dinh d- ờng và an toàn thực phẩm/GS. Từ Giấy; GS. Hà Huy Khôi/Y học: H/1996 2.Dinh d- ờng trẻ em/Mai Lê Hiệp/Y học/1986 3.Sinh hoá học/Trần Thị Ân, Lê đức Trình, Đỗ Đình Hồ/Y học H/1969

12. H- ống dẫn thực hiện ch- ơng trình

Ch- ơng trình Cao đẳng Giáo dục Mầm non đ- ợc xây dựng trên cơ sở ch- ơng trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/5/2007 của Bộ tr- ưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và các quy định xây dựng ch- ơng trình chuyển đổi từ niêm chế học phần sang học chế tín chỉ của tr- ờng ĐH Hồng Đức và tham khảo các ch- ơng trình cùng ngành của các tr- ờng ĐH trong và ngoài n- ớc.

Ch- ơng trình đào tạo ngành là cơ sở giúp Hiệu tr- ưởng quản lý chất l- ợng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung ch- ơng trình đã xây dựng.

Căn cứ ch- ơng trình đào tạo ngành, Tr- ờng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, h- ống dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề c- ơng chi tiết học phần và hồ sơ học phần theo quy định của Tr- ờng sao cho vừa đảm bảo đ- ợc mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể nhà tr- ờng, của địa ph- ơng, đáp ứng đ- ợc nhu cầu của ng- ời học và của toàn xã hội. Trên cơ sở đề c- ơng chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hoá chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khoá đào tạo.

Tr- ờng các khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề c- ơng chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế; các điều kiện đảm bảo thực hiện ch- ơng trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất l- ợng đào tạo và chuẩn đầu ra. Tr- ờng các phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu tr- ưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Ch- ơng trình này cũng đ- ợc áp dụng cho hình thức đào tạo hệ vừa làm vừa học, nh- ng thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 tháng đến 12 tháng (tuỳ theo kế hoạch sắp xếp thời gian).

Trong quá trình thực hiện ch- ơng trình, hàng năm nếu Khoa/Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, làm văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo tr- ờng xem xét. Nếu thấy hợp lý Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu tr- ưởng quyết định điều chỉnh và chỉ đ- ợc điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu tr- ưởng./.

HIỆU TR- ỜNG

TS. Nguyễn Văn Phát